

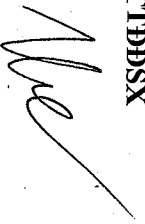
LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐDĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+CTK3+TD1	7:25	9+0+13	0+0+0		0+3+18	0+0+0	
2		PVD2+RP2	7:25	20+2	0+0		19+3	0+0	
3		P7+CLO	9:25	3+0+18	0+0+0		0+3+17	0+0+0	
4		PVD2+BK14	9:25	20+0	0+0		16+6	0+0	

TTBDSX





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2018	TO: VSP01 - CTK3 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM BÁ LINH	VSP01	33	1	2		58	D-HANH	Vietnamese
2	VŨ MINH ĐỨC	VSP01	34	1	2		50	D-HANH	Vietnamese
3	VŨ VĂN ANH DŨNG	VSP01	35	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRIADOFILINDI	VSP01					95	KH-THAC	Russian
5	GRICHENKOV	VSP01					89	KH-THAC	Russian
6	PIOTR LATUSZEK	VSP01	36-37	2	6		105	DVL	Singapore
7	BUI ĐỨC THƯƠNG	VSP01	40	1	5		57	XAYLAP	Vietnamese
8	MEDINSKIY VALERY	VSP01	39	1	5		73	NIPI	Russian
9	HOANG VĂN DƯƠNG	VSP01	38	1	5		76	NIPI	Vietnamese
10	ĐỖ QUANG LỰC	TD1	93	1	5	20	60	KHOAN	Vietnamese
11	BUI VĂN LUẬN	TD1	84	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TÙNG	TD1	03	1	12		65	YTE	Vietnamese
13	HA MINH TUẤN	TD1	88	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	91	1	4		86	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	99	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TƯỜNG TỰ	TD1	85	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
17	LẠI ĐỨC LÂM	TD1	87	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC THAI	TD1	96	1	8	12	65	KHOAN	Vietnamese
19	NGÔ XUÂN THƯƠNG	TD1	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM TẤT LỰC	TD1	89-90	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
21	LE VIỆT THÀNH	TD1	94	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
22	HA THANH TÙNG	TD1	92	1	2		93	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	9	8	29	668	0	0		
2	CTK3	0	0	0	0	20	3		
3	TD1	13	14	73	923	32	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>102</b>	<b>1.591</b>	<b>52</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>102</b>	<b>1.591</b>	<b>52</b>			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30-Jan-18	TO: PVD2 - RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - Luy -	ETA: 09:15
CAM-1		Trường	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	50	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
2	RICHARD HUGHES	PVD2	38-39	2	10		80	KHOAN	British
3	CAP VAN SEN	PVD2	46	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG TRONG CHUC	PVD2	33	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
5	ERNEST LAURENCE GLASS JR	PVD2	40-41	2	18	17	85	KHOAN	American
6	DJAMIAT	PVD2	44	1	12		76	KHOAN	Indonesian
7	LUONG VAN HOANG	PVD2	48	1	7		83	KHOAN	Vietnamese
8	VU THANH PHONG	PVD2	43	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM TAN NHUT	PVD2	36	1	7		105	KHOAN	Vietnamese
10	BUI KIM DAT	PVD2	32	1	11		71	KHOAN	Vietnamese
11	BUI VAN KIEU	PVD2	51	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CHI THANG	PVD2	52	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VAN CAO	PVD2	37	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN ANH HUNG	PVD2	34	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HUY HOANG	PVD2	53	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN MANH	PVD2	35	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
17	LE QUANG TRUONG	PVD2	47	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
18	MUSTAFA	PVD2	45	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN NGOC KHANH	PVD2	49	1	7		91	KHOAN	Vietnamese
20	PUGACHEV	RP2	62,89	2	12		103	KHOAN	Russian
21	LAI CAO THANH	RP2	90	1	11		64	KHOAN	Vietnamese
22	LE HUYNH TRUNG	RP2	91	1	7	42	72	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	19	21	160	1.409	17	19		
2	RP2	3	4	30	239	42	3		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>190</b>	<b>1.648</b>	<b>59</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>190</b>	<b>1.648</b>	<b>59</b>			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2018	TO: P7 - CLO	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - PTUẤN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU MINH HUNG	P7	85	1	3		79	D-HANH	Vietnamese
2	MISHIN A.V	P7	84	1	4		107	D-HANH	Russian
3	SAVELEV VADIM	P7	86	1	5		104	D-HANH	Russian
4	ANDRIUSHENKO O.A	CLO	70	1	2	40	126	KHOAN	Russian
5	LAM VAN GIANG	CLO	74	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
6	TO ANH TUAN	CLO	83	1	11		76	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THANH	CLO	77	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUY HUNG	CLO	81-82	2	5		69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN CHI NGHIỆP	CLO	84	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHON	CLO	71	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
11	LAM XUAN TU	CLO	78	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN VINH	CLO	73	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG DUY LY	CLO	72	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VAN SANG	CLO	75	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN DUY	CLO					65	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN MƯỜI	CLO	79	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
17	MAI TUAN KIỆT	CLO	80	1	13		73	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN ĐỨC VIỆT	CLO	76	1	10		59	KHOAN	Vietnamese
19	BUI ANH TUAN	CLO	69	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN ĐẠI HUNG	CLO	87-88	2	18		71	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	3	3	12	290	0	0		
2	CLO	17	18	112	1.219	40	16		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>21</b>	<b>124</b>	<b>1.509</b>	<b>40</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>124</b>	<b>1.509</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2018	TO: PVD2 - BK14	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - Luy -	ETA: 11:25
CAM-2		Trường	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG THINH	PVD2	56-57	2	6		75	KHOAN	Vietnamese
2	DANG VIET HUNG	PVD2	90	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC DAO	PVD2	91	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DUNG	PVD2	92	1	6	52	56	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN QUOC VIET	PVD2	64	1	5	2	55	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DONG HAI	PVD2	87	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
7	BUI XUAN DIEP	PVD2	61	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
8	DO HOAI NAM	PVD2	55	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN XUAN LONG	PVD2	60	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG CONG DUNG	PVD2	89	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG SON	PVD2	59	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
12	DOAN MINH DUONG	PVD2	45-46	2	8		60	KHOAN	Vietnamese
13	DUONG HUY HIEN	PVD2	58	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	65	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN VAN DUONG	PVD2	93	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	DUONG MINH TUAN	PVD2	244	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM QUOC TOAN	PVD2	54	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN DAI	PVD2	44	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN VAN HUYNH	PVD2	43	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
20	LE GIAP	PVD2	42	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN THE DUONG	PVD2	88	1	8		58	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	21	23	121	1.327	55	16		
2	BK14	0	0	0	0	30	6		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>23</b>	<b>121</b>	<b>1.327</b>	<b>82</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>121</b>	<b>1.327</b>	<b>82</b>			

GRAND TOAL: 1.530 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/01/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P7	7:25	18+4	0+0		10+12	0+0	
2		P3+VSP01+RP2	7:25	22+0+0	0+0+0		11+9+2	0+0+0	
3		MRM+RC4+AMD	7:25	11+0+11	0+0+0		4+1+17	0+0+0	
4		BK10+BK6+P2	7:25	0+4+7	0+0+0		7+4+11	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ BK10-BK6
5		P1+BK14+CTK3	9:25	19+0+3	0+0+0		16+0+6	0+0+0	CHUYỂN 3 PAX TỪ BK14-CTK3
6		RC3+GTC1+P4	9:25	3+0+19	0+0+0		0+1+21	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ GTC1-P4
7		P2+TD2	9:25	22+0	0+0		14+8	0+0	
8		P3+P4+P7	9:25	1+9+10	0+0+0		0+10+12	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ P4-P7
9		H5-AMD	11:25	21	0		20	0	
10		P1+BK5+P2	11:25	8+9+2	0+0+0		9+8+5	0+0+0	
11		P5+TD5	11:25	16+5	0+0		12+10	0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2018	TO: TD2 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LBinh - TRUÔNG - Luy -	ETA: 09:10
XANH-1		Vũ	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOSHELEV PAVEL	TD2	21	1	5	60	91	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN PHONG	TD2				13	65	KHOAN	Vietnamese
3	ĐO NGOC QUANG	TD2					61	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG HIÊN	TD2	09	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN XUÂN	TD2	10	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH NGỌC GIANG	TD2	11	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
7	DUONG HAI BANG	TD2	05	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN HUNG	TD2	01	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG XUAN HUY	TD2	02	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	03	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HUNG CUONG	TD2	06	1	2		95	KHOAN	Vietnamese
12	NINH VĂN SƠN	TD2	20	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO HOANG GIA PHUC	TD2	12	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TRAN NAM	TD2	13-14	2	18		65	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN NGOC TIEN	TD2	04	1	9		61	DVL	Vietnamese
16	NGO TRI HOANG	TD2	22	1	7		70	DVL	Vietnamese
17	LÊ THANH TU	TD2	07	1	5		70	DVL	Vietnamese
18	TRẦN VĂN DUNG	TD2	08	1	8		80	DVL	Vietnamese
19	BABKIN	P7	89	1	9	55	90	KH-THAC	Russian
20	ĐINH HOAI NAM	P7	93	1	17		85	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI VĂN SƠN	P7	87	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN BAC	P7	88	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	17	99	1.315	73	10		
2	P7	4	4	37	302	55	12		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>136</b>	<b>1.617</b>	<b>128</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>136</b>	<b>1.617</b>	<b>128</b>			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31-Jan-18	TO: P3 - VSP01 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Nam - MTuán - HUY	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ DUY KHƯƠNG	P3	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN THANH	P3	34	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
3	LAM TUAN KHAI	P3					77	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TUAN DAT	P3	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LE KHAI DAT	P3	84,98	2	17		93	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN TRUONG	P3	35	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
7	CHAU DINH TU	P3	38-39	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN CONG THANH	P3	36-37	2	17		57	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	P3	32-33	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH VAN TOAN	P3	24-25	2	10		58	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI THANH CAM	P3	27	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH HOANG NGUYEN	P3	31	1	7		67	DIEUHANH	Vietnamese
13	PHAN VAN THINH	P3	43	1	5		73	DIEUHANH	Vietnamese
14	NGUYEEN VAN DUNG	P3	89	1	5		65	DIEUHANH	Vietnamese
15	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	P3	42	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ XUAN TAM	P3	41	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUY TAI	P3	40	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
18	HA VAN CANH	P3	26	1	10	60	60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO THAI HA	P3	93	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN QUYEN	P3	94	1	3		55	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYEN THE HUY	P3	29-30	2	15		68	CODIEN	Vietnamese
22	LE TRUNG SON	RP2	94	1	15		65	DIEU HANE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	21	26	188	1.399	60	11		
2	VSP01	0	0	0	0	50	9		
3	RP2	1	1	15	65	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>203</b>	<b>1.464</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>203</b>	<b>1.464</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2018	TO: MRM - RC4 - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - DKHÁNH	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẬU MINH A	MRM	61-62	2	13		68	NHATHAU	Vietnamese
2	HUYNH ĐÌNH THÔNG	MRM	61	1	17		78	NHATHAU	Vietnamese
3	TRẦN LAM THỌ	MRM	64-65	2	15		50	NHATHAU	Vietnamese
4	NGUYEN TRỌNG PHÚ	MRM	66	1	5		53	NHATHAU	Vietnamese
5	LÊ VĂN HUY	MRM	53-54	2	14		62	NHATHAU	Vietnamese
6	ĐỖ HỮU LƯU	MRM	59	1	12		70	NHATHAU	Vietnamese
7	BUI DIEU KY	MRM	63	1	10		68	NHATHAU	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LANG	MRM	52	1	10		58	NHATHAU	Vietnamese
9	NGUYEN HOAI TAM	MRM	55	1	6		62	NHATHAU	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC BẠC	MRM	56-57	2	12		85	NHATHAU	Vietnamese
11	LÊ VĂN SỸ	MRM	58	1	10		62	NHATHAU	Vietnamese
12	NICU SERBANESCU	AMD	59	1	7		84	KH-THAC	Romania
13	NGUYEN VAN HAI	AMD	62	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HUY HOANG	AMD	67	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	60	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯỜNG THẾ HIỆN	AMD	63	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN ĐÌNH KHANH	AMD	65	1	5	30	64	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	66	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUANG THANH	AMD	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN VINH	AMD	68	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯỜNG THẾ KHAI	AMD	61	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MINH HOANG	AMD	64	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	11	15	124	716	0	4		
2	RC4	0	0	0	0	20	1		
3	AMD	11	11	83	785	30	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>207</b>	<b>1.501</b>	<b>50</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>207</b>	<b>1.501</b>	<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2018	TO: BK10 - BK6 - P2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: MTHĂNG - VTHU - TDUNG - CUONG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CỬ	BK6	17	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HAI	BK6	18-19	2	11	40	74	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯU ĐỨC TUẤN	BK6	20-21	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC AN	BK6	22	1	4		55	PSV	Vietnamese
5	VÕ DUY TOÀN	P2	52	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN SƠN TRƯỜNG	P2					62	KH-THAC	Vietnamese
7	DUƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	54	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	55	1	6	75	72	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC HÙNG	P2	53	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT DŨNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NAM	P2					60	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	0	0	0	0	40	7	4	CHUYEN 4 PAX TU BK10 SANG BK6
2	BK6	4	6	29	276	40	4		
3	P2	7	4	23	432	75	11		
<b>TOTAL</b>		<b>11</b>	<b>10</b>	<b>52</b>	<b>708</b>	<b>155</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>52</b>	<b>708</b>	<b>155</b>			

GRAND TOAL: 915 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2018	TO: P1 - BK14 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LBinh - TRUONG - Luy - Vu	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÓ THANH HÙNG	P1	23-24	2	13		72	YTE	Vietnamese
2	TSOPANOV A.V	P1	26	1	9		98	KH-THAC	Russian
3	VU XUAN QUY	P1	20-21	2	15		104	KH-THAC	Vietnamese
4	KISELEV	P1	28	1	10		95	KH-THAC	Russian
5	MAKAROV O.V	P1	29	1	13	17	104	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN ĐỨC THANG	P1	37	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG CONG LY	P1	32	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC HAI	P1	27	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN LONG BIEN	P1	18	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN HOANG NHAN	P1	36	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUY HUNG	P1	34-35	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THE VINH	P1	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM BA NGAN	P1	16	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÓ XUAN CHUONG	P1	15	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM ANH SON	P1	19	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
16	LE KIEN TRUNG	P1	33	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THUY	P1	22	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN PHIEN	P1	25	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN GIA CHUNG	P1	17	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
20	LAI VAN SANG	CTK3				70	65	DIEUHANH	Vietnamese
21	NGO SY ĐUC	CTK3	83	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÓ VAN KHANH	CTK3	80-82	3	20		69	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	19	22	149	1.462	17	16		
2	BK14	0	0	0	0	0	0+3		CHUYEN 3 PAX BK14 SANG CTK3
3	CTK3	3	4	25	218	70	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>174</b>	<b>1.680</b>	<b>87</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>174</b>	<b>1.680</b>	<b>87</b>			

GRAND TOAL: 1.941 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2018	TO: P3 - P4 - P7	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: MTHĂNG - VTHU -	ETA: 11:40
TRANG-2		TDUNG - CUÔNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VIET HUAN	P3	75	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LE MINH DUC	P3	73-74	2	11		62	COQHI	Vietnamese
3	NGUYEN HUU THANH	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGOC HUNG	P4	73	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUNG BAY	P4	70	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH HOAI DUC	P4	71-72	2	14	79	70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM DUY QUANG	P4	69	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PANKRATOV	P4	77	1	15		107	ANTOAN	Russian
9	BUI DUC ANH	P4	68	1	6		68	PSV	Vietnamese
10	PHAM HUU ANH	P4	75	1	5		55	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN MINH GIAU	P4	74	1	4		65	PSV	Vietnamese
12	TRAN NGOC TUAN	P7	54	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC SON	P7				35	73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH VAN PHUONG	P7					74	KH-THAC	Vietnamese
15	DOAN DINH PHAC	P7	74	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM DANG GIANG	P7	500	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
17	SAGIROV A.S	P7	53	1	9		72	KH-THAC	Russian
18	DAO TUAN CHU	P7	51-52	2	11		66	PSV	Vietnamese
19	LE HUU LONG	P7	75	1	3		56	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	2	3	23	127	0	0		
2	P4	9	9	69	633	79	10	2	CHUYEN 2 PAX P4 SANG P7
3	P7	8	7	35	555	35	12		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>19</b>	<b>127</b>	<b>1.315</b>	<b>114</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>127</b>	<b>1.315</b>	<b>114</b>			

GRAND TOAL: 1.556 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2018	TO: RC3 - GTC1 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Nam - MTuấn - HUY	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN BIÊN	RC3	65	1	10	50	79	NHATHAU	Vietnamese
2	NGO HOANG ANH	RC3	67-68	2	15		54	NHATHAU	Vietnamese
3	ĐANG ĐINH HIÊU	RC3	66	1	9		61	NHATHAU	Vietnamese
4	МАРЗИЕВ М. М	P4	67	1	10		83	KH-THAC	Russian
5	ВЛАСОВА А.М.	P4					96	KH-THAC	Russian
6	ĐO HUU NAM	P4	77	1	14		67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN SI TUAN	P4					62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN ANH ĐỨC	P4	66	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAO MINH TUAN	P4	78	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG HONG VIỆT	P4	75	1	7		54	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THƯƠNG	P4	68	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN TRUNG	P4	70	1	6	50	68	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN KIM SON	P4	81	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	LAM VAN PHUC	P4	79	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN CHIEN	P4	72	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM XUAN HAI	P4	69	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG DINH MINH	P4	73	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN PHUOC LOC	P4	76	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN NGOC MINH	P4	82	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN CONG TINH	P4	71	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH NAM	P4	80	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG KHAC DU	P4	74	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	3	4	34	194	50	0		
2	GTC1	0	0	0	0	20	1	1	CHUYEN 1 PAX GTC1 SANG P4
3	P4	19	17	104	1.326	50	21		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>138</b>	<b>1.520</b>	<b>120</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>138</b>	<b>1.520</b>	<b>120</b>			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31-Jan-18	TO: P2 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - DKHÁNH	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN THIEN	P2	62	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LE ANH VU	P2	64	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
3	HO CONG ANH	P2	83	1	4	37	65	KH-THAC	Vietnamese
4	HO NGHIA TAI	P2	68	1	5	90	70	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN THAI	P2	77	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN HUNG	P2	85	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
7	HO HUY QUYNH	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
8	LE SY VANG	P2	61	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	THAI HOANG TAM	P2	84	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG QUANG TE	P2	67	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM THANH HIEN	P2	80-82	3	10		79	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TAN QUAN	P2	65-66	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN NAM	P2	60	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN CHUONG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN SON	P2	70	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LE CONG LUU	P2	69	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN ANH ĐUC	P2	74	1	6		72	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LOI	P2	75-76	2			62	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN LE	P2	72-73	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG QUANG HUNG	P2	78-79	2	13		72	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN ĐUC ĐOAI	P2	71	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
22	VU THE LIEN	P2	63	1	7		66	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	26	153	1.492	127	14		
2	TD2	0	0	0	0	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>153</b>	<b>1.492</b>	<b>127</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>153</b>	<b>1.492</b>	<b>127</b>			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2018	TO: P5 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hạnh - TUYỀN - N.Nam	ETA: 13:40
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN LY HƯƠNG	P5	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P5	49	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔNG XUÂN SINH	P5					60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	43	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VINH	P5	42	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	48	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRỌNG NGHĨA	P5	47	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN CAO MẠNH	P5	01	1	5	103	65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN MINH THÀNH	P5	03	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÙNG	P5	05	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
11	CAO QUANG HUNG	P5	04	1	8		110	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN SƠN ANH	P5	44-45	2	15		90	XAYLAP	Vietnamese
13	CHU VĂN HẠY	P5	07	1	7		80	XAYLAP	Vietnamese
14	DUƠNG QUANG TRUNG	P5	06	1	6		96	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	50	1	11		64	PSV	Vietnamese
16	LÊ XUÂN TỈNH	P5	02	1	10		67	PSV	Vietnamese
17	CAO VĂN ĐẬU	TD5	41	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ VĂN MÂY	TD5	45	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VIỆT CƯỜNG	TD5	02	1	6	44	55	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HOANG GIANG	TD5	01	1	11		83	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN THỊNH	TD5	43-44	2	12		70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	16	16	117	1.197	103	12		
2	TD5	5	6	43	344	44	10		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>22</b>	<b>160</b>	<b>1.541</b>	<b>147</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>160</b>	<b>1.541</b>	<b>147</b>			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31-Jan-18	TO: P1 - BK5 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - PTUÁN	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NAM CƯỜNG	P1	55	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ HỒNG HAI	P1	54	1	13		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯƠNG ĐÌNH KHUÊ	P1	53	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	60	1	4	10	60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THĂNG	P1	56-57	2	15		50	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THAI BÌNH	P1	59	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐỨC DŨNG	P1	61	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	BK5	03	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TẬP	BK5	02	1	8	35	62	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	06	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TẠ VĂN VIỆT	BK5	09, 11	3	22		77	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI THE DUONG	BK5	12	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU NGHIÊM	BK5	02	1	9		65	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN LỰC	BK5	03	1	11		95	PSV	Vietnamese
16	TÀ NGỌC AN	BK5	03, 04	2	10		60	NHATHAU	Vietnamese
17	NGUYỄN THÀNH BẢO	BK5	08	1	15		75	NHATHAU	Vietnamese
18	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	P2	18	1	5	63	68	PVGAS	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG	P2	19-20	2	12		72	PVGAS	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	8	9	61	515	10	9		
2	BK5	9	12	104	625	35	8		
3	P2	2	3	17	140	63	5		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>24</b>	<b>182</b>	<b>1.280</b>	<b>108</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>182</b>	<b>1.280</b>	<b>108</b>			

GRAND TOAL: 1.570 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/01/2018	TO: TGTH5 - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Khang - TTrung - HIẾU	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VINH QUANG	TGTH5	14-15	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
2	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH5	16-17	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TÍNH	AMD	81	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VIỆT PHƯƠNG	AMD	73	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH TRƯƠNG PHI	AMD	79	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	86	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NHA	AMD	74	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁC TOÀN	AMD	77-78	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ BA THANH	AMD	88	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN LÊ HỒNG VŨ	AMD	82	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG ANH SƠN	AMD	75	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG KIẾN	AMD	80	1	12		83	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM ANH DỤC	AMD	83-85	3	15		74	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG LÊ ANH DŨNG	AMD	76	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ THANH DANH	AMD	92	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN VŨ	AMD	87	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ KIM LÂM	AMD	91	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HUYNH CƯỜNG	AMD	89-90	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ NGỌC ANH	AMD	72	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ ANH TUẤN	AMD	46	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯƠNG VĂN THỌ	AMD	71	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	2	4	23	128	0	0		
2	AMD	19	23	159	1.278	0	20		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>27</b>	<b>182</b>	<b>1.406</b>	<b>0</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>182</b>	<b>1.406</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1608 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN